

Số: 547/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước
giai đoạn 2016 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội tại văn bản số 88/UBTCNSQH14-TCNS ngày 03 tháng 3 năm 2017 về phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và danh mục dự án bố trí kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020 tại các Phụ lục đính kèm, bao gồm số vốn thu hồi các khoản vốn ứng trước kế hoạch.

Điều 2. Giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ tổng số kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và danh mục dự án quy định tại Điều 1 Quyết định này:

1. Giao các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan

khác ở Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Tổng mức kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất tín dụng.

b) Giao các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước tổng kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 theo ngành, lĩnh vực, chương trình, dự phòng kế hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công, danh mục và mức vốn kế hoạch bố trí cho từng dự án để chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án, bao gồm: số vốn thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn ngân sách trung ương; thu hồi các khoản vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của từng dự án theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đối ứng các dự án ODA nguồn ngân sách trung ương.

c) Giao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng số vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, bao gồm: vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn ngân sách trung ương theo từng chương trình mục tiêu, dự phòng kế hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị quyết của Quốc hội, danh mục và mức vốn kế hoạch đầu tư ngân sách trung ương bố trí cho từng dự án để chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án, bao gồm: số vốn thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn ngân sách trung ương; thu hồi các khoản vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của từng dự án theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đối ứng các dự án ODA nguồn ngân sách trung ương.

d) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác của các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính giám sát, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

2. Hướng dẫn và giải đáp các khó khăn, vướng mắc cho các bộ, ngành trung ương và địa phương trong triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

Điều 3: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020, danh mục dự án và kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 được giao tại Điều

1 và Khoản 1 Điều 2 Quyết định này:

1. Thông báo cho các đơn vị danh mục và kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 cho từng dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này và bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật về đầu tư công, Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020, ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội tại văn bản số 88/UBTVQH14-TCNS ngày 03 tháng 3 năm 2017, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương bảo đảm các nguyên tắc, tiêu chí như sau:

a) Việc phân bổ vốn phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, vùng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Việc phân bổ vốn phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và các văn bản liên quan.

c) Bố trí vốn đầu tư tập trung để khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, dở dang, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước; bố trí đủ vốn đối ứng các dự án ODA. Đồng thời, có giải pháp huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, cần thiết, cấp bách, các chương trình mục tiêu, làm cơ sở thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, có tính kết nối và lan tỏa vùng, miền.

d) Cam kết bố trí phần vốn còn thiếu từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành dự án được bố trí vốn ngân sách

trung ương giai đoạn 2016 - 2020 đúng tiến độ. Trong trường hợp điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư của dự án so với tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư trung hạn, địa phương phải tự cân đối vốn bổ sung từ các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành dự án đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng.

d) Đối với nguồn vốn nước ngoài, phải tính toán, cân đối giữa nhu cầu vay và khả năng trả nợ của các dự án đã triển khai và các dự án mới.

e) Thứ tự ưu tiên trong phân bổ kế hoạch đầu tư vốn cân đối ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020:

- Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản; thu hồi các khoản ứng trước. Không bố trí vốn ngân sách nhà nước để thanh toán các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014.

- Bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Sau khi bố trí đủ vốn theo thứ tự ưu tiên nêu trên, trường hợp còn vốn sẽ xem xét bố trí cho các dự án khởi công mới.

3. Gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 4 năm 2017 về thông báo kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương cho các đơn vị.

4. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin về các dự án đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước do bộ và địa phương quản lý. Trường hợp phát hiện các thông tin không chính xác, phải kịp thời gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Thời gian giải ngân kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Đoàn đại biểu Quốc hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Các Ngân hàng: Công thương, NN&PTNT;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, KTTT (3b). **540**





Phụ lục I

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020
(KHÔNG BAO GỒM VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ)**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020		
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
	TỔNG SỐ (*)	1.863.829	1.791.136	72.693
	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.863.829	1.791.136	72.693
(1)	Ngành Xã hội	1.197.590	1.197.590	
(2)	Ngành Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	330.511	257.818	72.693
(3)	Ngành Khoa học, công nghệ	102.528	102.528	
(4)	Ngành Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm	232.700	232.700	
(5)	Ngành Quản lý nhà nước	500	500	

Ghi chú: (*) Không bao gồm dự phòng chưa phân bổ.



Phụ lục II

AN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư		Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW
	TỔNG SỐ					4.330.261	4.032.261	
1	Ngành xã hội					3.005.205	2.775.205	
	Chuẩn bị đầu tư							
1	Trung tâm phục hồi sức khỏe người có công Sâm Sơn	Thanh Hóa						
2	Trung tâm điều dưỡng thương binh Lạng Giang	Bắc Giang						
3	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bình Định	Bình Định						
4	Trung tâm điều dưỡng người có công Sơn La	Sơn La						
5	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long						
6	Trung tâm điều dưỡng người có công Sa Pa (giai đoạn 2)	Lào Cai						
7	Trung tâm điều dưỡng PHCN tâm thần Việt Trì	Phú Thọ						
8	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang						

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư			Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
9	Trung tâm nuôi dưỡng thương binh tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang						
10	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Hải Dương	Hải Dương						
11	Trung tâm điều dưỡng NCC tỉnh Quảng Ngãi - giai đoạn 2	Quảng Ngãi						
12	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bạc Liêu	Bạc Liêu						
13	Trung tâm điều dưỡng NCC tỉnh Gia Lai	Gia Lai						
14	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Cà Mau	Cà Mau						
15	Trung tâm điều dưỡng người có công Quảng Nam	Quảng Nam						
16	Trung tâm điều dưỡng người có công Bắc Giang (giai đoạn 2)	Bắc Giang						
17	Trung tâm điều dưỡng người có công Bình Thuận (giai đoạn 2)	Bình Thuận						
18	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Long An	Long An						
19	Trung tâm điều dưỡng người có công thành phố Cần Thơ	Cần Thơ						
20	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đồng Tháp	Đồng Tháp						
21	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh An Giang	An Giang						
22	Trung tâm điều dưỡng người có công Ninh Thuận - giai đoạn 2	Ninh Thuận						
24	Trung tâm chính hình - phục hồi chức năng Cần Thơ - giai đoạn 2	Tp Cần Thơ						
	Thực hiện dự án							
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020							

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư			Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2015</i>							
1	Phân khu điều dưỡng người có công thuộc Trung tâm chăm sóc NCC và BTXH tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận		09-2011	1359, 10/10/2008	9.880	9.880	
2	Nghĩa trang liệt sỹ Nậm Loóng - giai đoạn 2	Lai Châu		2011	144, 26/01/2010	13.500	13.500	
3	Trung tâm chỉnh hình và PHCN Quy Nhơn	Bình Định		08-2011	614, 15/5/09	101.926	101.926	
4	Trung tâm điều dưỡng người có công Hà Tĩnh	Hà Tĩnh		2010-2012	1355, 28/10/09	34.315	34.315	
5	Nghĩa trang liệt sỹ Hậu Giang	Hậu Giang		09-2013	1173, 05/9/08	44.751	44.751	
6	Trung tâm giới thiệu việc làm khu vực miền Bắc	Hải dương		2009-2013	1780, 12/12/08	175.000	175.000	
7	Trung tâm giới thiệu việc làm khu vực miền Trung	Đà Nẵng		2009-2013	22, 07/1/09	108.000	108.000	
8	Trung tâm giới thiệu việc làm khu vực miền Nam	Đồng Nai		2009-2013	367, 12/3/2010	148.000	148.000	
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>							
	<i>Trong đó:</i>							
	<i>- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020</i>							
1	Đài tưởng niệm liệt sỹ tỉnh Thái Bình	Thái Bình		2013-2016	1014/QĐ-BLĐTBXH ngày 9/8/2012	51.006	51.006	
2	Trung tâm điều dưỡng NCC khu vực miền Trung	Đà Nẵng		2013-2017	1373, 04/10/2012	236.682	236.682	
3	Nghĩa trang liệt sỹ quốc tế Quảng Bình	Quảng Bình		2013-2017	1118, 27/8/2012	72.760	72.760	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư			Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
4	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang		2013-2016	1499, 24/10/2012	89.259	89.259	
5	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Lạng Sơn	Lạng Sơn		2013-2016	1469, 22/10/2012	69.027	69.027	
6	Trung tâm điều dưỡng NCC tỉnh Quảng Ninh - giai đoạn 2	Quảng Ninh		2014-2016	1615, 21/10/2013	43.740	43.740	
7	Trung tâm điều dưỡng NCC tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 2)	Khánh Hòa		2014-2018	1616, 21/10/2013	88.832	88.832	
8	Trung tâm chính hình-phục hồi chức năng Cần Thơ	Cần Thơ		2014-2018	1631, 22/10/2013	93.452	93.452	
9	Trung tâm điều dưỡng NCC tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị		2014-2017	1632, 22/10/2013	62.613	62.613	
10	Trung tâm điều dưỡng NCC Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế		2015-2018	1186a, 23/9/2011	48.171	48.171	
11	Trung tâm điều dưỡng NCC tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình		2015-2018	1410, 24/10/2014	80.560	80.560	
12	Trung tâm điều dưỡng NCC tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk		2015-2018	1411, 24/10/2014	68.306	68.306	
13	Trung tâm điều dưỡng NCC tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng		2015-2018	1447, 30/10/2014	69.750	69.750	
(2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020							
	<i>- Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020</i>							
1	Trung tâm PHCN trẻ tàn tật Thụy An	Hà Nội		2016-2019	1596, 30/10/2015	80.000	80.000	
2	Trung tâm điều dưỡng thương binh Long Đất	Bà Rịa - Vũng Tàu		2016-2019	1807QĐ-LĐTĐBXH ngày 08/12/2015	78.900	78.900	
3	Trung tâm nuôi dưỡng thương binh tâm thần kinh Nghệ An	Nghệ An		2016-2019	1566, 28/10/2015	59.978	59.978	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư			Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
4	Trung tâm điều dưỡng NCC tỉnh Nam Định	Nam định		2016-2019	1591, 30/10/2015	74.394	74.394	
5	Trung tâm điều dưỡng NCC Lâm Đồng - giai đoạn 2	Lâm Đồng		2016-2019	1595, 30/10/2015	59.100	59.100	
6	Trung tâm điều dưỡng NCC tỉnh Tây Ninh	Tây Ninh		2016-2019	1536, 30/10/2015	78.500	78.500	
7	Trung tâm điều dưỡng NCC tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên		2016-2019	1592, 30/10/2015	75.880	75.880	
8	Trung tâm điều dưỡng NCC tỉnh Hà Nam	Hà nam		2016-2019	1594, 30/10/2015	70.855	70.855	
9	Trung tâm điều dưỡng người có công và phục hồi chức năng thành phố Hồ Chí Minh	Tp.HCM		2017-2020	1567/QĐ-LĐTĐ ngày 28/10/2015	259.068	29.068	
	<i>- Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020</i>							
1	Trung tâm phục hồi sức khỏe người có công Sầm Sơn	Thanh Hóa		2018-2022	441 7/4/2016	72.000	72.000	
2	Trung tâm điều dưỡng thương binh Lạng Giang	Bắc Giang		2018-2022	440 7/4/2016	54.000	54.000	
3	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bình Định	Bình Định		2018-2022	437 7/4/2016	72.000	72.000	
4	Trung tâm điều dưỡng người có công Sơn La	Sơn La		2018-2022	439 7/4/2016	72.000	72.000	
5	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long		2018-2022	438 7/4/2016	72.000	72.000	
6	Trung tâm điều dưỡng người có công Sa Pa (giai đoạn 2)	Lào Cai		2018-2022	442 7/4/2016	45.000	45.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư			Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
7	Trung tâm điều dưỡng NCC tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa		2019-2023	1396 14/10/2016	72.000	72.000	
11	Ngành Giáo dục đào tạo					700.631	700.631	
	Thực hiện dự án							
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020							
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2015							
1	Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh	Nghệ an		07-2011	768/QĐ-LĐTĐBXH ngày 16/6/2009	108.535	108.535	
2	Nhà học đa năng Trường Đại học Lao động xã hội	Hà Nội		2010-2013	1445/QĐ-LĐTĐBXH ngày 28/10/08	114.373	114.373	
3	Nhà đa năng thuộc Trường cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ	Hà Nội		2012-2013	1007/QĐ-LĐTĐBXH ngày 08/8/2012	21.668	21.668	
b	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020							
	Trong đó:							
	- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020							
	Trường Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long	Vĩnh Long	5.000 học sinh/năm	09-2016	937/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 6/8/2010	219.167	219.167	
(2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020							

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư			Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
	<i>- Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020</i>							
1	Trường cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ Dung Quất	Quảng Ngãi		2016-2020	1569 29/10/2015	128.888	128.888	
	<i>- Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020</i>							
2	Trường đại học Lao động xã hội (cơ sở Tp Hồ Chí Minh)	Tp. HCM		2018-2022	412 31/3/2016	108.000	108.000	
III	Ngành Khoa học công nghệ					267.348	229.348	
	Thực hiện dự án							
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020							
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2015</i>							
	Hành chính điện tử ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	Hà Nội		2010-2012	1259/QĐ-LĐTĐBXH 07/10/09	19.594	19.594	
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>							
	<i>Trong đó:</i>							
	<i>- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020</i>							
1	Nhà nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ Tp Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)	Tp. HCM		2013-2017	1379/QĐ-LĐTĐBXH 05/10/12	122.760	104.760	
2	Nhà nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ Trường đại học SPKT Vinh	Nghệ an		2015-2018	1412/QĐ-LĐTĐBXH ngày 24/10/2014	124.994	104.994	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư		Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW
IV	Ngành Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm					357.077	327.077	
	Chuẩn bị đầu tư							
	Bệnh viện CH-PHCN Hà Nội	Hà Nội						
	Thực hiện dự án							
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020							
	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2015</i>							
	Bệnh viện CH-PHCN thành phố Hồ Chí Minh	Tp. HCM		2015-2019	1448/QĐ-LĐTĐ ngày 30/10/2014	249.077	219.077	
(2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020							
	<i>- Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020</i>							
	Bệnh viện CH-PHCN Quy Nhơn	Bình Định		2018-2022	1495/28/10/2016	108.000	108.000	
V	Ngành Quản lý nhà nước							
	Chuẩn bị đầu tư							
	Trụ sở Bộ Lao động TBXH							



Bộ Lao động, thương binh và xã hội

Phụ lục III

TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư						Ghi chú	
							Số quyết định	TMĐT						
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
									Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			
									Tổng số	Trong đó:		Tinh bằng ngoại tệ		Quy đổi ra tiền Việt
NSTW	Các nguồn vốn khác	Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW											
	TỔNG SỐ							125.707	53.014	53.014		72.693	40.500	
	Ngành giáo dục đào tạo							125.707	53.014	53.014		72.693	40.500	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017							81.384	40.884	40.884		40.500	40.500	
	<i>Dự án nhóm B</i>							81.384	40.884	40.884		40.500	40.500	
	Dự án thành phần 5 thuộc dự án "Đầu tư phát triển các trường dạy nghề chất lượng cao" sử dụng ODA của Chính phủ Pháp	Quảng Ngãi		2014-2018	Pháp	26/10/2012	775,20/5/2013	81.384	40.884	40.884	1,5 triệu EURO	40.500	40.500	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2017							44.323	12.130	12.130		32.193		
	<i>Dự án nhóm B</i>							44.323	12.130	12.130		32.193		
	Dự án thành phần 4 thuộc dự án Chương trình đào tạo nghề 2011 sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức	Tp.HCM		2017-2018	Đức	31/3/2016	714, 14/6/2016	44.323	12.130	12.130	1,307 triệu EURO	32.193		